

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2050 gồm các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Sau đây gọi là *Quyết định số 896/QĐ-TTg*).

- Tập trung nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động thích ứng nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra, nâng cao nhận thức góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh tổ chức rà soát, tích hợp, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược vào nội dung quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với tình hình thực tiễn từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

- Triển khai đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường hướng đến phát triển nền kinh tế bền vững.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 là cơ hội để phát triển bền vững, ưu tiên cao nhất trong các quyết sách phát triển, tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, của mỗi người dân và toàn xã hội. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt; người dân và doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm và là chủ thể thực hiện cùng với sự tham gia hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tập trung nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển các cơ chế tài chính, thị trường các-bon, thúc đẩy chuyển dịch đầu tư cho phát triển kinh tế ít phát thải; phát huy nguồn lực của Nhà nước thúc đẩy thu hút các nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nguồn lực quốc tế, đẩy mạnh hợp tác công tư trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Mục tiêu cụ thể

Thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đến năm 2030

+ Nâng tỷ lệ che phủ rừng trên 49,2%¹; quản lý, bảo vệ nâng cao chất lượng rừng và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng².

+ Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 98%; 65% dân số ở nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo Quy chuẩn quốc gia với số lượng tối thiểu 60 lít/ngày/người³; đảm bảo 100% dân cư đô thị sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung⁴; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.

+ Kiểm soát tình trạng suy thoái tài nguyên đất, tài nguyên nước đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

¹ Bao gồm cả cây công nghiệp thân gỗ, cây trồng đa mục đích.

² Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI ban hành Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

³ Kế hoạch số 1809/KH-UBND ngày 12/8/2022 thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

⁴ Kế hoạch số 2202/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2020, giai đoạn đến năm 2025.

+ Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản nhằm đảm bảo an ninh lương thực; hình thành các chuỗi liên kết do doanh nghiệp làm đầu mối, chuỗi liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác, triển khai việc truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp⁵.

+ Công tác dự báo khí tượng thủy văn: Các trạm khí tượng thủy văn do Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên quản lý được đầu tư, nâng cấp các thiết bị đo đạc, tự động hóa đạt 95% đối với các trạm khí tượng, trạm đo mực nước, đo mưa, đo gió trên cao, tối thiểu 40% đối với các trạm đo lưu lượng; 100% công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn được thực hiện quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật⁶.

+ Bảo tồn hiệu quả các loài hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; không có thêm loài hoang dã bị tuyệt chủng; các nguồn gen hoang dã và giống cây trồng, vật nuôi được lưu giữ và bảo tồn và phát triển⁷.

+ Quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình, nhà cửa ven sông, suối. Chủ động sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, suối; phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành 90% việc di dời các hộ dân ra khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở⁸; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai.

- Đến năm 2050:

+ Giữ vững độ che phủ rừng ổn định 49,2% và đảm bảo lâm phần rừng trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm trên địa bàn tỉnh được phục hồi, bảo tồn thực sự có hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững.

⁵ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh đến giai đoạn 2021 – 2025.

⁶ Chương trình 1013/CTr-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 21/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

⁷ Kế hoạch số 2279/KH-UBND ngày 09/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về đa dạng sinh học tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁸ Kế hoạch số 1051/KH-UBND ngày 25/6/2022 triển khai thực hiện đề án phòng chống, sạt lở bờ sông, bờ suối đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, có giá trị gia tăng cao thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

+ Phân đấu 100% người dân được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh, an toàn bền vững; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe⁹.

+ Phân đấu hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm xung yếu ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông, suối¹⁰.

Giảm phát thải khí nhà kính

Nỗ lực đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tích cực đóng góp có trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh nằm trong giới hạn tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia (giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường).

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh đạt mức phát thải ròng bằng “0”; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Căn cứ Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, tỉnh Gia Lai xác định 03 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

1. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên:

Tập trung bảo vệ nguồn tài nguyên nước: Xây dựng kế hoạch quản lý tài nguyên nước và các lưu vực sông, các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước dưới đất theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả Đề án điều tra, đánh giá, khoanh định công bố vùng hạn chế khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, tăng cường các giải pháp quản lý khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước. Từ nay đến năm 2030, tập trung kiểm soát tình

⁹ Kế hoạch số 1809/KH-UBND ngày 12/8/2022 thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

¹⁰ Kế hoạch số 1051/KH-UBND ngày 25/6/2022 triển khai thực hiện đề án phòng chống, sạt lở bờ sông, bờ suối đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

trạng suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của các ngành, cải thiện môi trường, giảm thiểu tác động và phòng chống thiên tai do nước gây ra nhằm phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất trống, đồi núi trọc, đất ven sông, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Thúc đẩy phát triển đô thị, khu công nghiệp theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải rắn. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất. Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sụt lún, sụt lún, suy thoái nước ngầm.

- Nông nghiệp và an ninh lương thực: Thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững, nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu từng khu vực.

- Rừng và các hệ sinh thái: Tập trung bảo vệ và hạn chế tối đa chuyển đổi rừng (đặc biệt là rừng tự nhiên), phục hồi và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn, tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị. Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn thiên nhiên, phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học.

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các công trình hạ tầng đô thị, công trình chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Y tế và sức khỏe: Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới: Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân; nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

b) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Dự báo và cảnh báo sớm: Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, động đất, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai nhất là đối với mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, suối.

- Công trình phòng chống thiên tai: Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng do thiên tai và khí hậu cực đoan gây ra. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất.

- Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu: Quy hoạch sắp xếp lại dân cư, chủ động di dời các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở, trước hết là tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao. Xây dựng hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát diễn biến sạt lở, lòng dẫn.

Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân, xây dựng chính sách hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở gần với sinh kế, ổn định đời sống của người dân; xây dựng các công trình khắc phục sự cố sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng ven sông, suối.

2. Về giảm phát thải khí nhà kính

a) Nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030: Đảm bảo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và với điều kiện, hoạt động của mình.

- Đến năm 2050:

Triển khai thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 40% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030, quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO₂tđ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO₂tđ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO₂tđ trở lên từ năm 2050. Mọi cơ sở thuộc khu vực công phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.

b) Giảm phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực

- Lĩnh vực năng lượng: Đẩy mạnh các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và các giải pháp công nghệ tiên tiến nhằm bảo đảm an ninh năng lượng.

Tiếp tục phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; mở rộng một số thủy điện vừa và lớn để phát huy tối đa hiệu quả của thủy điện.

Nâng công suất các nhà máy điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió, điện sinh khối,... hiện có trên địa bàn tỉnh; Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp giảm phát thải khí mê-tan trong trồng trọt, chăn nuôi; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hoá học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp.

- Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất:

Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bằng các loài cây bản địa để tăng cường hấp thụ các-bon. Nâng cao chất lượng, trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo thông qua trồng bổ sung, làm giàu rừng nhằm tăng hấp thụ các-bon.

Phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất, ưu tiên các vùng đất dốc.

Nâng cao sản xuất và chất lượng rừng: Quản lý hiệu quả diện tích rừng tự nhiên hiện có, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, trồng rừng gỗ lớn, khai thác, sử dụng hợp lý rừng sản xuất đảm bảo chức năng phòng hộ, góp phần giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái bảo tồn đa dạng sinh học, tăng hấp thụ các-bon và giảm phát thải khí nhà kính.

Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng để giảm phát thải từ kiểm soát mất rừng và suy thoái rừng, cháy rừng, phòng, chống chặt, phá rừng trái pháp luật; nâng cao nhận thức bảo vệ và phát triển rừng để tăng hấp thụ khí nhà kính thông qua tăng chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái.

- Lĩnh vực xử lý chất thải: Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

- Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp: Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại đạt tiêu chuẩn về toà nhà xanh, khu đô thị đối với tất cả các công trình xây dựng mới.

3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách

Tiếp tục rà soát, cập nhật, tích hợp các nội dung liên quan thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg vào Quy hoạch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch đô thị; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn; các Chương trình, Kế hoạch tại: Chương trình số 59-TTr/TU ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá XI) chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2212/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 29 tháng 10 năm 2020 về triển khai Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 202/QĐ-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo tổng hợp cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức tham gia của cộng đồng; cập nhật kiến thức về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm phát thải khí nhà kính vào chương trình giáo dục phổ thông; thúc đẩy lối sống thân thiện khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng bảo vệ phát triển rừng bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Phổ biến thông tin, khuyến khích dán nhãn các-bon, sử dụng sản phẩm, dịch vụ dùng năng lượng sạch, phát thải ít các-bon, thân thiện với môi trường thay cho sản phẩm, dịch vụ sử dụng năng lượng hoá thạch; dán nhãn sản phẩm không sử dụng chất có tiềm năng gây nóng lên toàn cầu.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Tham gia chương trình tập huấn, bồi dưỡng về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Phát triển đội ngũ về kiểm kê khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, quy định trong nước và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên.

d) Phát triển khoa học và công nghệ

Tiếp nhận, ứng dụng khoa học công nghệ mới phục vụ các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 theo lộ trình mà Chính phủ đã cam kết.

đ) Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Áp dụng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó với biến đổi khí hậu; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hoá thạch sang năng lượng tái tạo.

Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

Thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn thực hiện giám sát các nguồn tài chính, hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với pháp luật Việt Nam, yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris và các cơ chế tài chính quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu:

Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính; thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai và có giải pháp ứng phó phù hợp với tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (*chỉ thường xuyên, chỉ đầu tư phát triển*) theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan; đầu tư, đóng góp từ tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại,

vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện Kế hoạch này đồng bộ, hiệu quả.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện rà soát danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, điều chỉnh danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai theo định kỳ 10 năm cấp tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2050 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh định kỳ 5 năm, 10 năm và tổng kết thực hiện chiến lược gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tích hợp lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 và Kế hoạch này vào nội dung quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn đầu tư công cho các đơn vị, địa phương liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cho các đơn vị, địa phương liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật Việt Nam, yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris và các cơ chế tài chính quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở dự toán được lập theo đúng quy định của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, kiểm tra, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành để triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

4. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao với mục tiêu sản xuất sạch, tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và bền vững góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, chủ động kiểm soát, khống chế dịch bệnh; phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng tập trung và an toàn sinh học nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng, phục hồi rừng, xúc tiến tái sinh và làm giàu từ rừng trên các vùng đất quy hoạch lâm nghiệp. Quản lý bảo vệ rừng bền vững ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên rừng, phòng, chống cháy rừng.

- Triển khai các phương án và giải pháp công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, suối hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Phát triển hạ tầng công trình cấp nước sạch nông thôn đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý, bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị.

5. Sở Công thương

- Tập trung xây dựng triển khai các ngành công nghiệp có giá trị cao, lợi thế cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm các ngành công nghiệp hiện có trong tỉnh.

Tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng nâng cao ý thức, sử dụng năng lượng tiết kiệm, từng bước loại bỏ các trang thiết bị lạc hậu gây phát thải khí nhà kính.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng phát triển năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, khí chôn lấp rác thải, khí sinh học. Phối hợp với các nhà cung cấp sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giới thiệu các sản phẩm tiết kiệm cho các doanh nghiệp để triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm giảm chi phí sản xuất và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

6. Sở Giao thông vận tải

- Tăng cường đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông đảm bảo, hiệu quả về kinh tế, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu đi lại, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh, thành phố trong vùng.

- Nâng cao chất lượng kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện tham gia giao thông; đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải theo các quy định hiện hành; khuyến khích và vận động chủ phương tiện tham gia giao thông sử dụng các nguồn năng lượng, nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

7. Sở Xây dựng

- Khuyến khích các đơn vị có liên quan trong việc áp dụng công nghệ mới, các nguyên liệu thay thế, sản phẩm mới thân thiện với môi trường trong các công trình xây dựng giảm phát thải khí nhà kính. Thường xuyên đôn đốc các đơn vị có liên quan rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị, điểm dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế ... trong đó lồng ghép nội dung đảm bảo kiến trúc cảnh quan, vệ sinh môi trường chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban ngành, địa phương đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh để triển khai thực hiện; chuyển giao kết quả nghiên cứu liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu cho các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh ứng dụng vào thực tiễn. Tham gia tư vấn, giới thiệu các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện của địa phương vào trong sản xuất nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở thường xuyên thông tin, tuyên truyền các nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu, giảm nhẹ, mức độ gia tăng phát thải khí nhà kính, giảm mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy giảm đa dạng sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực, kiến thức của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương về biến đổi khí hậu và thiên tai.

10. Sở Ngoại vụ

Chủ động tham gia hợp tác quốc tế trong ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ giúp đỡ về công nghệ, tài chính của quốc tế nhằm thu hút các nguồn tài chính, đầu tư cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai, tổ chức lồng ghép kiến thức, kỹ năng về phòng tránh thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong các môn học cho các bậc học, cấp học trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Triển khai các mô hình sinh kế, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro thiên tai, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu tiếp cận các nguồn vốn từ các chương trình tín dụng; khuyến khích các cơ sở đào tạo gắn kết với các doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

13. Các Sở, ban, ngành và các cơ quan trực thuộc tỉnh.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các Sở, ban, ngành và các cơ quan trực thuộc tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này với nội dung và hình thức phù hợp. Tuyên truyền phổ biến, rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng. Tích hợp mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại kế hoạch này xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn của các ngành, địa phương. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, lồng ghép các nội dung của Kế hoạch trong việc xây dựng định hướng, kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành và các lĩnh vực liên quan.

15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Chính trị - Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch này.

16. Khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và chủ động thực hiện, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Hàng năm, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách quản lý, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện

Kế hoạch gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ trước ngày 15 tháng 9 năm 2025 và báo cáo đánh giá cuối kỳ trước ngày 15 tháng 9 năm 2030 về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2050. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những thiếu sót, bất cập có văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định./. *me*

Nơi nhận: *TS*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CVP; Các PCVP UBND tỉnh
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Tiến Đông

PHỤ LỤC

CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 2810 /KH-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)



TT	Nhiệm vụ dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
1	Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2	Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính	Các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh (Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP - Công ty MDF Vinafor Gia Lai; Chi nhánh Công ty CP nông sản thực phẩm Quảng Ngãi - Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Từ năm 2024